



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Số: /TTKH-AVICON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/việc: Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021
Xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Hàng không

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

- Xét tình hình năng lực sản xuất kinh doanh thực tế hiện tại của Công ty trong năm 2021 và dự kiến cho năm 2022.

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Hàng không báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và trình xem xét các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

A. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2021

Các chỉ tiêu cơ bản:

- Tổng doanh thu:	3,745	Tỷ đồng đạt	45,3%	Kế hoạch
- Tổng chi phí:	2,785	Tỷ đồng đạt	36,4%	Kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế:	0,959	Tỷ đồng đạt	158,7%	Kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế:	0,825	Tỷ đồng đạt	170,6%	Kế hoạch
- Thực hiện đầu tư:	0,000	Tỷ đồng đạt	0,0%	Kế hoạch

(Có tài liệu kế hoạch chi tiết gửi kèm theo).

1. Tổng doanh thu bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu từ hoạt động tài chính; doanh thu từ hoạt động cho thuê kho bãi và từ thu nhập khác. Doanh thu trong năm 2021 thực hiện cơ bản hoàn thành so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

+ Doanh thu về xây lắp đạt 0,0 % KH.

+ Doanh thu kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi đạt 100,9% KH.

+ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 82,0%

- Tổng doanh thu trong năm đạt thấp hơn so kế hoạch do một số hoạt động như: Doanh thu thi công xây dựng trong năm không có hợp đồng; Trong khi đó công trình Đường 5 kéo dài quyết toán điều chỉnh giảm doanh thu 1,51 tỷ đồng; Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm.

- Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm do tiền gửi ngân hàng trong năm nhỏ hơn so KH dự kiến ngoài ra còn các khoản điều chỉnh lỗ lãi từ doanh thu nội bộ.

2. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt cao hơn so kế hoạch (đạt 158,7%) chủ yếu do phát sinh một số nội dung như:

- Hoàn nhập từ trích lập dự phòng phải thu khó đòi những năm trước làm giảm chi phí quản lý DN, số hoàn nhập cao hơn dự kiến.

3. Lợi nhuận sau thuế đạt 170,6%KH. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 311,03 đồng /1 cổ phiếu.

4. Đầu tư:

Trong kế hoạch năm 2021 dự kiến triển khai các công việc tư vấn lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng tòa nhà văn phòng Avicon tại khu đất của Công ty, với kế hoạch chi phí là 5,15 tỷ đồng. Tuy nhiên Công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn đầu tư chưa hoàn thành do đó được kiến nghị triển khai công tác này vào đầu quý III năm 2022.

Đánh giá chung:

Trong năm 2021 có rất nhiều những khó khăn tác động, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, như: năng lực cạnh tranh trong thị trường xây dựng của công ty thấp, nền kinh tế thị trường cũng như bối cảnh kinh tế trong nước ảnh hưởng tác động. Mặc dù còn gặp những khó khăn không nhỏ nhưng trong năm tài chính vừa qua Công ty cũng đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

B. Kế hoạch SXKD năm 2022.

I. Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022.

Căn cứ kết quả thực hiện SXKD năm 2021 và tình hình thực tế về thị trường xây lắp, dịch vụ thuê kho bãi hiện tại của Công ty, trên cơ sở phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của thị trường trong nước và khu vực ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty và khả năng tiếp cận, khai thác hợp đồng thi công xây dựng để có định hướng, chiến lược và xây dựng kế hoạch năm 2022 với mục tiêu giữ vững ổn định và an toàn tài chính, từng bước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đảm bảo đời sống thu nhập cho người lao động.

Dự kiến một số yếu tố khó khăn làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 như:

- Bối cảnh nền kinh tế trong nước nói chung và trong hoạt động xây lắp nói riêng vẫn khó khăn với việc nhà nước thắt chặt đầu tư công và nâng cao quy mô quản lý trong hoạt động đấu thầu nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tìm kiếm và cạnh tranh, trúng thầu công trình.

- Năng lực về quy mô xây dựng công trình của công ty thấp, không có thiết bị máy thi công. Thiếu nhân lực. Khó khăn trong đấu thầu cạnh tranh, tìm kiếm công trình.

- Các xí nghiệp xây lắp Miền Bắc trong năm 2021 nhận được rất ít hợp đồng và giá trị các hợp đồng chủ yếu là hợp đồng nhỏ (dưới 1 tỷ), không có tiềm năng phát triển

mở rộng. Các đơn vị xây lắp Phía Nam mặc dù có tên trong mô hình tổ chức hoạt động của công ty nhưng thực tế đã không hoạt động do không còn nhân lực và thiết bị, chủ yếu làm các công tác thanh quyết toán nội bộ các công trình còn lại.

- Hợp đồng về xây lắp thực hiện dở dang chuyển qua từ năm trước không có.

- Doanh thu từ thu nhập bất thường như trích dự phòng bảo hành công trình không còn.

- Hoạt động khai thác dịch vụ kho bãi, nhà xưởng của Công ty đang phải chịu nhiều chi phí khấu hao, sửa chữa, vận hành, tiền thuế và thuê đất...do có một số dự án mới được đầu tư xây dựng và mở rộng diện tích nên lợi nhuận còn thấp.

- Đại dịch Covid-19 từ đầu năm trước đã tác động ảnh hưởng không nhỏ đến tất cả mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng cũng như toàn đất nước.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn tác động ảnh hưởng, cùng với nhận định tình hình thực tế hiện tại của Công ty, bám sát định hướng, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 của công ty với các chỉ tiêu cơ bản phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời tiếp tục rà soát tiết giảm tối đa các chi phí có thể để đảm bảo sát thực chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và thu nhập ổn định cho người lao động.

II. Các chỉ tiêu thực hiện KH 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022.

Đơn vị tính: 1.000 VND

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So với TH 2021
1	Vốn chủ sở hữu	37.562.562	38.316.703	102,0%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.744.881	6.880.895	183,7%
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.527.705	5.592.895	221,3%
2.2	Doanh thu và thu nhập khác	1.217.176	1.288.000	105,8%
3	Tổng chi phí	2.785.487	5.837.661	209,6%
3.1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.785.486	5.837.661	209,6%
3.2	Chi phí khác	1	0	
4	Lợi nhuận trước thuế	959.394	1.043.234	108,7%
5	Thuế TNDN	134.315	208.647	155,3%
6	Lợi nhuận sau thuế	825.079	834.587	101,2%
7	Tỷ suất LNST / vốn đầu tư CSH	3,11%	3,15%	101,2%
8	Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL	0	0	
9	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	41.254	41.729	101,2%
10	Quỹ thưởng ban QLĐH	39.191	0	
11	Bù lỗ năm trước	0	0	
12	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	744.634	792.858	106,5%
13	Tổng quỹ lương (LĐQL)	2.041.547	1.964.556	96,2%
14	Tổng vốn đầu tư	0	5.150.000	
15	Số lao động bình quân (người)	22	21	95,5%

- + Doanh thu năm 2022 dự kiến 6,881 tỷ, trong đó:
 - Doanh thu thi công xây lắp công trình chiếm: 21,8%
 - Doanh thu thuê kho: 59,48%
 - Doanh thu tài chính và DT khác: 18,72%
- + Doanh thu năm 2022 dự kiến bằng 183,7% so thực hiện năm 2021.
 - Doanh thu năm 2022 tăng, chủ yếu là do chênh khoản quyết toán điều chỉnh giảm doanh thu công trình của năm 2021.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2,991 tỷ, bằng 106,71% so thực hiện năm 2021

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do khoản hoàn nhập từ trích lập dự phòng phải thu khó đòi giảm so với năm 2021 mặc dù đã điều chỉnh tiết giảm tối đa các khoản chi phí cho phù hợp với tình hình hiện tại của doanh nghiệp, như: Chi phí lao động tiền lương, chi phí quản lý chung và các chi phí dịch vụ thường xuyên khác.
- + Lợi nhuận sau thuế: 0,835 tỷ đồng, bằng 101,2% so thực hiện năm 2021.
- + Đầu tư: Năm 2022 công ty tập trung thực hiện các công tác hồ sơ chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng **tòa nhà trụ sở văn phòng cho thuê Avicon**. Kế hoạch kinh phí cho các công tác lập hồ sơ chuẩn bị dự án trong năm 2022 là 5,150 tỷ đồng. Bao gồm các công việc: Lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thuê tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tư vấn đánh giá hiệu quả đầu tư dự án, thiết kế công trình; hồ sơ chấp thuận các sở ban ngành liên quan và chi phí quản lý dự án.

III. Phương hướng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

Trên cơ sở phân tích những khó khăn, thuận lợi của thị trường ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty, với sự nỗ lực quyết tâm của Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, Công ty đề ra các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu cho việc thực hiện và hoàn thành kế hoạch năm 2022 như sau:

- Tập trung nguồn lực để thực hiện thành công các công việc đã đề ra cho đầu tư Dự án xây dựng tòa nhà trụ sở văn phòng Avicon.
 - Duy trì ổn định hoạt động cho thuê mặt bằng kho bãi.
 - Tiếp tục tập hợp, xem xét và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý thu hồi công nợ trong và ngoài Công ty.
 - Tăng cường, mở rộng tìm kiếm khai thác thị trường xây dựng, củng cố ổn định các mối quan hệ với các đối tác là khách hàng truyền thống, từng bước phát triển mở rộng thị trường. Đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho người lao động.
 - Quản lý chặt chẽ các hợp đồng xây lắp, tập trung chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để thanh quyết toán, giải quyết triệt để những vướng mắc phát sinh.
 - Củng cố hệ thống quản lý điều hành sản xuất, tăng cường công tác giám sát, thường xuyên đôn đốc thanh quyết toán khối lượng để hạn chế rủi ro, tổn thất và nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Từng bước đầu tư, đảm bảo nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động quản lý vận hành, cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Nâng cao công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.

- Rà soát, tiết giảm tối đa các chi phí trong sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Sửa đổi bổ sung và xây dựng mới hệ thống quy chế quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

- Xây dựng định biên lao động phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để nâng cao tay nghề, năng lực quản lý có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

- Từng bước tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, quyết tâm thực hiện có hiệu quả định hướng chiến lược của Công ty.

C. Kết luận, kiến nghị:

Trong năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do những yếu tố khách quan của nền kinh tế trong nước tác động cũng như điều kiện cụ thể hiện tại của công ty. Ban Giám đốc cùng các cán bộ công nhân viên trong công ty đã có rất nhiều cố gắng trong công tác tìm kiếm việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh về các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra.

Năm 2022, do những khó khăn thực tế và hiện trạng của công ty như đã được đánh giá phân tích nêu trên. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu cơ bản sát thực phù hợp với khả năng thực tế nhất của đơn vị. Cố gắng đảm bảo để hoàn thành kế hoạch đề ra và ổn định thu nhập cho người lao động.

Tổng giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và trình xem xét dự thảo các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2022.

(Có bảng chi tiết kết quả SXKD năm 2021 và dự thảo kế hoạch SXKD năm 2022 đính kèm)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- P.KH-KT; P.TC-KT
- Lưu VT

Phan Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

-----000-----



(DỰ THẢO TRÌNH ĐẠI HỘI)

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG
NĂM 2022**

NĂM 2022



BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Danh mục chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	So với KH	Kế hoạch	So với TH 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Vốn chủ sở hữu	37.315.177	37.562.562	100,7%	38.316.703	102,0%	
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.527.686	26.527.686	100,0%	26.527.686	100,0%	
2	Các quỹ, vốn thuộc vốn chủ sở hữu	10.787.491	11.034.876	102,3%	11.789.017	106,8%	
II	Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.261.815	3.744.881	45,3%	6.880.895	183,7%	
A	Doanh thu từ bán hàng và CCDV	7.001.815	2.527.705	36,1%	5.592.895	221,3%	
1	Doanh thu thi công xây dựng	3.000.000	(1.511.818)	-50,4%	1.500.000		
2	Doanh thu dịch vụ kho xưởng	4.001.815	4.039.523	100,9%	4.092.895		
3	Cho thuê thiết bị, tài sản	0	0		0		
B	Doanh thu và thu nhập khác	1.260.000	1.217.176	96,6%	1.288.000	105,8%	
1	Doanh thu hoạt động tài chính	1.260.000	1.033.363	82,0%	1.288.000		
2	Doanh thu khác	0	183.813		0		
III	Tổng chi phí	7.657.268	2.785.487	36,4%	5.837.661	209,6%	
A	Chi phí bán hàng và CCDV	3.996.571	(16.996)	-0,4%	2.847.048		
1	Chi phí hoạt động xây lắp	2.550.070	(1.466.464)		1.455.000		
2	Chi phí HĐ thuê kho, bất động sản ĐT	1.446.501	1.449.468		1.392.048		
B	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.660.697	2.802.482	76,6%	2.990.613	106,7%	
C	Chi phí khác	0	1		0		
1	Chi phí hoạt động tài chính	0	0		0		
2	Chi phí cho thuê TBTS và CP khác	0	1		0		
IV	Lợi nhuận SXKD						
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	604.547	959.394	158,7%	1.043.234	108,7%	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	483.637	825.079	170,6%	834.587	101,2%	
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.909	134.315	111,1%	208.647	155,3%	
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	120.909	134.315		208.647		
VI	Hiệu quả sử dụng vốn						
1	LN/TT/ Vốn đầu tư của CSH	2,28%	3,62%		3,93%		
2	LN/ST/ Vốn đầu tư của CSH	1,82%	3,11%		3,15%		
VII	Dự kiến phân phối lợi nhuận	483.637	825.079	170,6%	834.587	101,2%	
1	Tổng lợi nhuận gộp sau thuế	483.637	825.079	170,6%	834.587		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1	Lợi nhuận sau thuế	483.637	825.079		834.587		
1.2	Bù lỗ năm trước	0	0		0		
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	0		0		
3	Quỹ phúc lợi, khen thưởng (5%)	24.182	41.254		41.729		
4	Quỹ thưởng ban QLĐH (5% LN) do vượt chỉ tiêu KH	0	39.191		0		
5	Lợi nhuận còn lại	459.455	744.634		792.858		
VIII Lao động, tiền lương							
1	Lao động bình quân toàn Cty (người)	22	22		21	95,5%	
2	Quỹ lương lao động quản lý	2.043.334	2.041.547		1.964.556	96,2%	
IX Tổng mức đầu tư trong năm							
1	Đầu tư xây dựng mới	5.150.000	0	0,0%	5.150.000		
3	Cải tạo sửa chữa lớn	0	0		0		
2	Mua sắm tài sản	0	0		0		
4	Đầu tư tài chính	0	0		0		
X Nguồn vốn đầu tư							
	+ Từ nguồn vốn đầu tư của CSH	5.150.000	0		5.150.000		
	+ Từ nguồn phát hành cổ phiếu	0	0		0		
	+ Nguồn vốn vay Ngân hàng	0	0		0		

Ghi chú:

- Quỹ thưởng ban QLĐH sẽ được xem xét phụ thuộc vào kết quả SXKD năm 2022
- Quỹ lương lao động quản lý không bao gồm lương khối xây lắp



KẾ HOẠCH DOANH THU NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Danh mục chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	So với KH	Kế hoạch	So với TH 2021	
A	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.001.815	2.527.705	36,1%	5.592.895	221,3%	
1	Doanh thu từ xây dựng	3.000.000	-1.511.818	-50,4%	1.500.000	-99,2%	
2	Doanh thu thuê kho xưởng	4.001.815	4.039.523	100,9%	4.092.895	101,3%	
3	Cho thuê thiết bị, tài sản	0	0		0		
B	Doanh thu và thu nhập khác	1.260.000	1.217.176	96,6%	1.288.000	105,8%	
1	Từ hoạt động tài chính	1.260.000	1.033.363	82,0%	1.288.000	124,6%	
1.1	Lãi tiền gửi NH	1.260.000	1.033.363		1.288.000		
1.2	Lãi ứng vốn	0	0		0		
1.3	Lợi nhuận từ công ty con	0	0		0		
2	Thu nhập khác, thanh lý TS, TNBT	0	183.813		0		
2.1	Thanh lý tài sản	0	0		0		
2.2	Thu nhập khác (hoàn DP + đầu tư TC)	0	183.813		0		
	Tổng cộng	8.261.815	3.744.881	45,3%	6.880.895	183,7%	



KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Danh mục chi phí	Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	So với TH 2021 (%)	
A	Thi công xây dựng	2.550.070	-1.466.464	1.455.000	-99,2%	
I	Các khoản biến phí	1.900.836	-1.606.698	1.314.766		
1	Chi phí nguyên vật liệu, vốn hàng	1.022.880	-1.466.464	720.000		
2	Chi phí nhân công thuê ngoài	319.650	0	225.000		
3	Chi phí mua ngoài khác	12.786	0	9.000		
4	Chi phí khác bằng tiền	545.520	-140.234	360.766		
II	Các khoản định phí	140.235	140.235	140.235		
1	Tiền lương và các khoản có TC lương	140.235	140.235	140.235		
2	Khấu hao TSCĐ	0	0	0		
III	Chi phí SX khác	509.000	0	0		
1	Lãi vay phải trả	0	0	0		
2	Chi phí khác	509.000	0	0		
B	Chi phí hoạt động thuê kho, bất động sản đầu tư	1.446.501	1.449.468	1.392.048	96,04%	
1	<i>Kho bãi</i>					
	- Khấu hao tài sản cố định	629.249	629.249	629.249		
	- CP quản lý vận hành của XN theo giao khoán, duy tu bảo dưỡng SC thường xuyên, nhân công Bảo vệ và CP khác	817.252	820.218	762.799		
	- Phân chia lợi nhuận liên doanh	0	0	0		
2	<i>Chi phí cho hoạt động cho thuê thiết bị tài sản (Cty con)</i>					
	- Khấu hao tài sản cố định	0	0	0		
C	Chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác	0	1	0		
1	Chi phí hoạt động tài chính	0	0	0		
	Chi phí lãi vay phải trả	0	0	0		
2	Chi phí khác	0	1	0		
	Chi phí khác	0	0,801	0		
	Tổng cộng	3.996.571	-16.995	2.847.048		



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG**

Biểu KH-05

KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Danh mục chi phí	Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	So với TH 2021	
I	Tiền lương và các khoản có tính chất lương	2.010.365	2.350.456	1.978.666	84,18%	
1	Tiền lương bộ phận quản lý DN	1.717.087	1.749.642	1.650.887		
2	Các khoản có tính chất lương	316.551	308.909	306.015		
3	Trích trước QL và quỹ lương làm thêm giờ	326.247	291.905	313.669		
4	Giảm chi do trích trước chi phí năm trước	-349.520		-291.905		
II	Chi phí khác bằng tiền	754.000	659.315	654.000	99,19%	
1	Xăng xe	35.000	62.579	50.000		
2	Tiếp khách	60.000	13.068	20.000		
3	Công tác phí	15.000	0	10.000		
4	Báo chí, tài liệu	0	2.705	0		
5	Chi phí học tập, đào tạo	0	0	0		
6	Chi trả trợ cấp thôi việc cho người LĐ	0	0	0		
7	Khám sức khỏe định kỳ	25.000	0	25.000		
8	Chi phí hoạt động dân quân tự vệ	0	0	0		
9	Chi phí hoạt động HĐQT và Ban KS	25.000	8.444	15.000		
10	Thù lao của TV HĐQT và Ban KS	444.000	444.000	444.000		
11	Quảng cáo tiếp thị, khách hàng	0	0	0		
12	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0		
13	Chi có tính chất phúc lợi	100.000	98.821	60.000		
14	Các khoản chi phí khác	50.000	29.699	30.000		
III	Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.000	341.296	315.000	92,30%	
1	Bưu phí, điện thoại	25.000	22.042	25.000		
2	Điện, nước tiêu dùng	60.000	48.039	50.000		
3	Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	90.000	109.099	65.000		
4	Trang bị, mua sắm dụng cụ	35.000	58.901	30.000		
5	Văn phòng phẩm	35.000	86.206	35.000		
6	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	50.000	17.010	30.000		
7	Nhân công thuê ngoài	0	0	0		
8	Dịch vụ khác (bảo hiểm, kiểm toán, TV...)	80.000	0	80.000		
IV	Các khoản thuế phải nộp	1.066.970	801.370	1.087.669	135,73%	
1	Thuế môn bài	3.000	3.000	3.000		
2	Tiền thuê đất	1.039.676	774.076	1.039.676		
3	Thuế đất và các loại thuế khác	24.294	24.294	44.992		
V	Khấu hao TSCĐ	209.362	205.279	205.279	100,00%	
VI	Hoàn nhập dự phòng	-755.000	-1.555.234	-1.250.000		
1	Hoàn nhập từ trích lập dự phòng phải thu khó đòi những năm trước	-755.000	-1.555.234	-1.250.000		
	Tổng cộng	3.660.697	2.802.482	2.990.613	106,71%	



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG**

Biểu KH-06

KẾ HOẠCH CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu tính đơn giá	Kế hoạch năm 2021				Kế hoạch năm 2022		
		Kế hoạch		Thực hiện		Tiền Lương	Các khoản có TC lương	Ghi chú
		Tiền Lương	Các khoản có TC lương	Tiền lương	Các khoản có TC lương			
I	Quỹ lương Khối cơ quan Công ty	1.717.087.000	316.551.000	1.749.642.376	308.909.026	1.650.887.000	306.015.000	
		1.717.087.000	316.551.000	1.749.642.376	308.909.026	1.650.887.000	306.015.000	
II	Quỹ lương dự phòng	326.246.530	0	291.905.000	0	313.668.530	0	
1	Quỹ lương làm thêm giờ, trực ca ($\leq 2\%$)	34.341.740		0		33.017.740		
2	Trích trước quỹ lương ($\leq 17\%QL$)	291.904.790		291.905.000		280.650.790		
	Tổng cộng quỹ lương	2.043.333.530	316.551.000	2.041.547.376	308.909.026	1.964.555.530	306.015.000	

Đơn vị tính: VND

- Tổng số lao động năm 2022 là 21 người. Trong đó khối CQ 14; Khối xây lắp 7
- Quỹ lương trên không bao gồm tiền lương và các khoản có TC lương của các Xi nghiệp xây lắp (do khoán công trình)
- Trả lương trực tiếp khối CQ: 13 người
- Trích nộp các khoản bảo hiểm khối CQ : 10 người



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Biểu KH-08

KẾ HOẠCH CƠ CẤU VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Danh mục chi tiêu	Số dư cuối kỳ 31/12/2020	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022				Ghi chú	
			Số dư đầu kỳ 01/01/2021	Phát sinh trong kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Số dư cuối kỳ 31/12/2021	Số dư đầu kỳ 01/01/2022	Phát sinh giảm trong kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Số dư cuối kỳ (dự kiến) 31/12/2022		
	Nguồn vốn chủ sở hữu											
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	26.527.686	26.527.686	0	0	26.527.686	26.527.686					26.527.686
2	Các quỹ, vốn thuộc vốn chủ sở hữu	10.545.184	10.545.184	-335.387	825.079	11.034.876	11.034.876	-80.445	834.587	834.587		11.789.017
	- Quỹ đầu tư phát triển	2.633.642	2.633.642	0	0	2.633.642	2.633.642					2.633.642
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.911.542	7.911.542	-335.387	825.079	8.401.234	8.401.234	-80.445	834.587	834.587		9.155.376
	Tổng cộng	37.072.870	37.072.870	-335.387	825.079	37.562.562	37.562.562	-80.445	834.587	834.587		38.316.703



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Biểu KH-07

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

Đơn vị tính: 1000 Đồng

STT	Danh mục đầu tư	KH Năm 2021		KH năm 2022	Giai đoạn tiếp theo	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện			
I	Đầu tư xây dựng mới	5.150.000	0	5.150.000	0	
1	Dự án Xây dựng tòa nhà trụ sở văn phòng AVICON	5.150.000	0	5.150.000	0	Dự kiến các chi phí về tư vấn lập dự án đầu tư, CP quản lý dự án và các khoản chi phí khác trong quá trình lập hồ sơ thủ tục đầu tư
	- Chi phí tư vấn đầu tư	4.500.000	0	4.500.000		
	- Chi phí quản lý dự án	650.000	0	650.000		
II	Cải tạo sửa chữa lớn	0	0	0	0	
III	Mua sắm tài sản	0	0	0	0	
V	Đầu tư tài chính	0	0	0	0	
	Tổng cộng	5.150.000	0	5.150.000	0	